TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 16/2020/DS-ST
Ngày 30-11-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Văn Châu.

Ông Dương Thành Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị N, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp A, xã D, huyện E, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp A, xã D, huyện E, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 31 – 7 – 2020), có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ I, ấp J, xã K, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phạm Văn D là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày*:*

Do có mối quan hệ quen biết, bà Huỳnh Thị C đã nhiều lần vay tiền của bà Phan Thị N cụ thể như sau: ngày 04 tháng 01 năm 2019 bà C vay của bà N số tiền 580.000.000 đồng. Thời hạn vay tới mùa thu hoạch dưa, bà C sẽ trả cho bà

N ½ số tiền, số tiền còn lại bà C sẽ trả hết cho bà N vào ngày 10 tháng 4 năm 2019; ngày 15 tháng 9 năm 2019, bà C vay của bà N số tiền 927.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Tổng số tiền bà C vay của bà N là 1.507.000.000 đồng. Tất cả hai lần vay tiền, hai bên có lập giấy tay mượn tiền, không thỏa thuận lãi suất vay, bà C không thế chấp tài sản gì cho bà N.

Bà N đã nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ vay nhưng bà C vẫn trì hoãn việc trả nợ. Đến nay, bà C vẫn không trả nợ cho bà N. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 31 tháng 7 năm 2020 và biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 8 năm 2020 bà N yêu cầu bà C trả số tiền 1.507.000.000 đồng. Bà N không yêu cầu bà C trả lãi.

Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là giấy vay tiền có thỏa thuận ngày 04 tháng 01 năm 2019 và giấy mượn tiền ngày 15 tháng 8 năm 2019.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập lấy lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo yêu cầu cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ cho bị đơn bà C nhưng bà C không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Ngày 09 tháng 9 năm 2020, bà C có bản tự khai trình bày các vấn đề tranh chấp tài sản, bà C sẽ trình bày khi mở phiên tòa.

Tại phiên toà:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 1.507.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi.

Bà C xác nhận có vay tiền của bà N số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 30 tháng 12 năm 2018, lãi suất vay là 12.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 04 tháng 01 năm 2019, bà C viết giấy vay tiền có thỏa thuận có nội dung xác nhận có vay tiền của bà Phân Thị N (bà C xác định bà Phân Thị N là bà Phan Thị N; bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1985 là bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1986) số tiền 580.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 10 tháng 4 năm 2019 sẽ trả hết số tiền vay cho bà N. Bà C xác nhận giấy vay tiền có thỏa thuận ngày 04 tháng 01 năm 2019 là do bà C tự viết, ký tên và lăn tay xác nhận nợ. Đến ngày 15 tháng 8 năm 2019, bà C không có tiền trả nợ gốc và tiền lãi cho bà N nên bà C ký tên và lăn tay xác nhận có mượn tiền của bà N với số tiền 927.000.000 đồng. Bà C xác nhận chữ ký và dấu lăn tay Huỳnh Thị C trong giấy mượn tiền ngày 15 tháng 8 năm 2019 là của bà C. Quá trình vay tiền của bà N, bà C đã trả lãi cho bà N với số tiền là 900.000.000 đồng. Trước yêu cầu khởi kiện của bà N, bà C đồng ý trả cho bà N số tiền 927.000.000 đồng. Đối với số tiền 580.000.000 đồng, bà C không đồng ý trả cho bà N vì bà C cho rằng số tiền 580.000.000 đồng đã được gộp vào số tiền 927.000.000 đồng. Bà C không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc đã trả tiền lãi cho bà N cũng như việc bà N gộp số tiền 200.00.000 đồng và số tiền 580.000.000 đồng vào giấy mượn tiền ngày 15 tháng 8 năm 2019.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Huỳnh Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Phan Thị N khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị C trả số tiền 1.507.000.000 đồng theo giấy vay tiền có thỏa thuận ngày 04 tháng 01 năm 2019 và giấy mượn tiền ngày 15 tháng 8 năm 2019 nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Huỳnh Thị C có nơi cư trú tại tổ I, ấp J, xã K, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà C trả số tiền nợ là 1.507.000.000 đồng, trong đó: số tiền theo giấy vay tiền có thỏa thuận ngày 04 tháng 01 năm 2019 là 580.000.000 đồng và số tiền theo giấy mượn tiền ngày 15 tháng 8 năm 2019 là 927.000.000 đồng. Đối với tiền lãi, nguyên đơn không yêu cầu. Bị đơn bà C chỉ đồng ý trả số tiền 927.000.000 đồng. Đối với số tiền 580.000.000 đồng theo giấy vay tiền có thỏa thuận ngày 04 tháng 01 năm 2019 bà C cho rằng bà N đã gộp vào giấy mượn tiền ngày 15 tháng 8 năm 2019 nên bà C không đồng ý.

Xét, đối với chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là giấy vay tiền có thỏa thuận ngày 04 tháng 01 năm 2019 và giấy mượn tiền ngày 15 tháng 8 năm 2019, bị đơn bà C thừa nhận có ký tên, ghi họ tên và lăn tay xác nhận nợ, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định nguyên đơn bà N và bị đơn bà C có xác lập hợp đồng vay theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự với tổng số tiền là 1.507.000.000 đồng. Bị đơn bà C cho rằng, giấy mượn tiền ngày 15 tháng 8 năm 2019 là giấy chốt nợ của giấy vay tiền có thỏa thuận ngày 04 tháng 01 năm 2019 nên bà C chỉ đồng ý trả số tiền 927.000.000 đồng.

Xét, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không thừa nhận giấy mượn tiền ngày 15 tháng 8 năm 2019 là giấy chốt nợ có bao gồm số tiền 580.000.000 đồng của giấy vay tiền có thỏa thuận ngày 04 tháng 01 năm 2019 như bị đơn bà

C trình bày, bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Đồng thời, trong giấy mượn tiền ngày 15 tháng 8 năm 2019 không thể hiện bất cứ từ nào có liên quan đến khoản vay 580.000.000 đồng theo giấy vay tiền có thỏa thuận ngày 04 tháng 01 năm 2019 nên bị đơn cho rằng chỉ nợ số tiền 927.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, căn cứ vào giấy vay tiền có thỏa thuận ngày 04 tháng 01 năm 2019 và giấy mượn tiền ngày 15 tháng 8 năm 2019, có căn cứ xác định bà C vay của bà N tổng số tiền là 1.507.000.000 đồng. Đến thời hạn thanh toán, bà C không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 1.507.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Bà C cho rằng đã đóng tiền lãi cho bà N 900.000.000 đồng và số tiền vay 927.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 15 tháng 8 năm 2019 là bà N đã gộp số tiền 200.00.000 đồng và số tiền 580.000.000 đồng vào giấy mượn tiền ngày 15 tháng 8 năm 2019 nhưng nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của bị đơn bà C.

Đối với số tiền lãi, nguyên đơn bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 96, các Điều 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N đối với bị đơn bà Huỳnh Thị C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Huỳnh Thị C có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị N số tiền 1.507.000.000 đồng (một tỷ năm trăm lẻ bảy triệu đồng) nợ gốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho bà Phan Thị N số tiền 28.605.000 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0038972 ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Bà Huỳnh Thị C phải chịu 57.210.000 đồng (năm mươi bảy triệu hai trăm mười nghìn đồng).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Minh Thảo